

DANH SÁCH GIÁO VIÊN THI VÒNG 2
HỘI THI GIÁO VIÊN DẠY GIỎI CẤP QUẬN NĂM HỌC 2018 - 2019

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trường	Môn dạy	Khối lớp dự thi vòng 2	Trường thi vòng 2	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Ngân Hồng	Nữ	1981	LQĐ	Âm nhạc	8	Bàn Cờ	
2	Nguyễn Thị Hồng Yến	Nữ	1974	LL	Âm nhạc	6	Bàn Cờ	
3	Lê Thị Mỹ Trang	Nữ	1981	PSN	Công nghệ	6	Đoàn Thị Điểm	
4	Đặng Thị Kiều Dung	Nữ	1983	BC	Công nghệ	7	Đoàn Thị Điểm	
5	Nguyễn Quốc Thịnh	Nam	1973	KT	Công nghệ	8	Đoàn Thị Điểm	
6	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	1993	KT	Công nghệ	6	Đoàn Thị Điểm	
7	Đặng Thanh Trí	Nam	1966	HBT	Công nghệ	8	Đoàn Thị Điểm	
8	Lương Bá Nhân	Nam	1980	LTV	Công nghệ	9	Đoàn Thị Điểm	
9	Lê Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	1982	COL	Địa lý	6	Bàn Cờ	
10	Bùi Thị Thu Hiền	Nữ	1983	LL	Địa lý	6	Bàn Cờ	
11	Đào Trọng Ninh	Nam	1984	HBT	Địa lý	7	Bàn Cờ	
12	Trần Thị Thu Trang	Nữ	1978	ĐTĐ	Địa lý	8	Bàn Cờ	
13	Diệp Thanh Phương	Nữ	1988	BC	GDCD	7	Colette	
14	Huỳnh Tú Mai	Nữ	1982	HBT	GDCD	8	Colette	
15	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Nữ	1984	TL	Hóa học	9	Hai Bà Trưng	
16	Nguyễn Vũ Anh Huy	Nam	1987	BC	Hóa học	9	Hai Bà Trưng	
17	Trần Minh Thùy	Nữ	1989	KT	Hóa học	8	Hai Bà Trưng	
18	Võ Như Nguyễn	Nữ	1991	LQĐ	Hóa học	9	Hai Bà Trưng	
19	Nguyễn Thị Thanh Lộc	Nữ	1979	LL	Hóa học	8	Hai Bà Trưng	
20	Trần Đình Lập	Nam	1988	HBT	Hóa học	8	Bạch Đằng	
21	Lê Thị Trung Hậu	Nữ	1987	LTV	Hóa học	6	Hai Bà Trưng	
22	Nguyễn Hoàng Sơn	Nam	1990	ĐTĐ	Hóa học	9	Hai Bà Trưng	
23	Trần Thị Xuân Hương	Nữ	1986	BC	Lịch sử	7	Kiến Thiết	
24	Dương Thị Huệ	Nữ	1986	LQĐ	Lịch sử	8	Kiến Thiết	
25	Đặng Thị Hồng Như	Nữ	1988	HBT	Lịch sử	9	Kiến Thiết	
26	Trương Thụy Thanh Tuyết	Nữ	1988	TL	Ngữ văn	9	Kiến Thiết	
27	Phan Thị Quỳnh Giao	Nữ	1983	TL	Ngữ văn	8	Kiến Thiết	
28	Đỗ Minh Hiếu	Nữ	1991	BC	Ngữ văn	6	Kiến Thiết	
29	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	Nữ	1987	LQĐ	Ngữ văn	6	Kiến Thiết	
30	Trần Thị Kim Ngân	Nữ	1989	LL	Ngữ văn	6	Kiến Thiết	
31	Dương Ngọc Yến	Nữ	1988	HBT	Ngữ văn	6	Kiến Thiết	
32	Trần Thị Anh Thảo	Nữ	1983	HBT	Ngữ văn	7	Kiến Thiết	
33	Nguyễn Thị Kim Nhung	Nữ	1978	ĐTĐ	Ngữ văn	7	Kiến Thiết	
34	Trần Thị Hà	Nữ	1989	ĐTĐ	Ngữ văn	7	Kiến Thiết	
35	Đặng Thị Hồng Thiệp	Nữ	1980	ĐTĐ	Ngữ văn	9	Kiến Thiết	
36	Phạm Thị Thanh Mến	Nữ	1992	BC	Sinh học	6	Đoàn Thị Điểm	
37	Trần Thị Ngọc Hân	Nữ	1993	KT	Sinh học	6	Đoàn Thị Điểm	
38	Trần Thị Hải Vân	Nữ	1990	COL	Sinh học	8	Đoàn Thị Điểm	
39	Nguyễn Bảo Châu	Nữ	1981	COL	Sinh học	7	Đoàn Thị Điểm	
40	Bùi Thanh Duy	Nữ	1990	LL	Sinh học	7	Đoàn Thị Điểm	

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trường	Môn dạy	Khối lớp dự thi vòng 2	Trường thi vòng 2	Ghi chú
41	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	1994	BD	Sinh học	9	Đoàn Thị Điểm	
42	Nguyễn Ngọc Thảo	Nữ	1989	PSN	Thể dục	7	Đoàn Thị Điểm	
43	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	1981	BC	Thể dục	7	Đoàn Thị Điểm	
44	Nguyễn Hiền Phúc	Nam	1985	KT	Thể dục	9	Đoàn Thị Điểm	
45	Cổ Thị Kiều Trúc	Nữ	1972	LQĐ	Thể dục	8	Bàn Cờ	
46	Nguyễn Ngọc An	Nam	1982	ĐTĐ	Thể dục	6	Bàn Cờ	
47	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	1974	ĐTĐ	Thể dục	8	Bàn Cờ	
48	Nguyễn Kim Thế	Nữ	1991	PSN	Tiếng Anh	6	Bạch Đằng	
49	Lê Nguyệt Thu	Nữ	1982	TL	Tiếng Anh	6	Bạch Đằng	
50	Trần Trương Thị Thanh Vân	Nữ	1984	TL	Tiếng Anh	6	Bạch Đằng	
51	Võ Đại Anh Thư	Nữ	1989	BC	Tiếng Anh	6	Bạch Đằng	
52	Đào Khánh Nam	Nữ	1986	KT	Tiếng Anh	6	Bạch Đằng	
53	Phạm Mai Hương	Nữ	1988	COL	Tiếng Anh	6	Bạch Đằng	
54	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	Nữ	1991	LQĐ	Tiếng Anh	7	Bạch Đằng	
55	Trịnh Ngọc Nhi	Nữ	1990	LL	Tiếng Anh	7	Bạch Đằng	
56	Nguyễn Đức Dũng	Nam	1963	HBT	Tiếng Anh	9	Bạch Đằng	
57	Ngô Thị Thu Hồng	Nữ	1974	ĐTĐ	Tiếng Anh	7	Bạch Đằng	
58	Hồ Nam Trân	Nữ	1984	PSN	Toán	6	Colette	
59	Huỳnh Thị Yến Nguyệt	Nữ	1982	TL	Toán	9	Colette	
60	Trịnh Thị Nguyệt Linh	Nữ	1982	BC	Toán	7	Colette	
61	Lâm Ngọc Trúc	Nữ	1976	KT	Toán	8	Colette	
62	Phạm Thị Hiền	Nữ	1991	LQĐ	Toán	8	Colette	
63	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	1990	LL	Toán	7	Colette	
64	Trì Huy Bằng	Nam	1982	HBT	Toán	7	Colette	
65	Vũ Thái Bảo	Nam	1984	ĐTĐ	Toán	7	Colette	
66	Trần Đức Lộc	Nam	1985	PSN	Vật lý	8	Hai Bà Trưng	
67	Võ Thị Ngọc Thủy	Nữ	1985	BC	Vật lý	7	Hai Bà Trưng	
68	Nguyễn Kim Phụng	Nữ	1991	KT	Vật lý	8	Hai Bà Trưng	
69	Hồ Nguyên Phúc	Nam	1974	LQĐ	Vật lý	9	Hai Bà Trưng	
70	Võ Thủy Tiên	Nữ	1976	HBT	Vật lý	7	Hai Bà Trưng	
71	Đổng Thị Như Ý	Nữ	1990	ĐTĐ	Vật lý	8	Hai Bà Trưng	
72	Nguyễn Thị Phương Thanh	Nữ	1982	BD	Vật lý	7	Hai Bà Trưng	
73	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	1988	BC	Mĩ thuật	7	Bạch Đằng	
74	Nguyễn Thị Thương Huyền	Nữ	1985	LQĐ	Mĩ thuật	8	Bạch Đằng	
75	Đỗ Minh Trân	Nữ	1991	LQĐ	Mĩ thuật	8	Bạch Đằng	
76	Phan Thanh Ngọc Phụng	Nữ	1979	LTV	Mĩ thuật	6	Bạch Đằng	
77	Huỳnh Thị Kim Phước	Nữ	1984	ĐTĐ	Mĩ thuật	7	Bạch Đằng	
78	Đinh Thị Ngọc Lan	Nữ	1981	COL	Tiếng Pháp	7	Colette	

* Tổng cộng danh sách có **78** giáo viên.

Lưu ý: Các trường kiểm tra khối lớp dự thi vòng 2 của giáo viên thi GVĐG cấp Quận, nếu có điều chỉnh thì báo cho cô Nghĩa trước ngày **15/12/2018**.